

Bản án số: 53/2025/HNGĐ - ST.

Ngày: 09 – 9 – 2025.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực;

2. Ông Hà Hùng Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2025/TLST – HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị M, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp S, xã L, tỉnh Vĩnh Long; số Căn cước công dân: 084191012015, cấp ngày 10/5/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Tăng Bé N, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp V, xã C, Thành phố Cần Thơ; số Chứng minh nhân dân: 334771895 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị M trình bày:

Nguyên vào năm 2011, bà Thạch Thị M và ông Tăng B Năm tự nguyện tổ chức lễ cưới chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh, đăng ký ngày 10/10/2011. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã ly thân được một thời gian dài từ cuối năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông, bà có 01 người con chung là

Tăng Thạch Nhật D, sinh ngày 24/9/2012, hiện nay cháu D đang sống chung với ông N. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, bà Thạch Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với ông Tăng Bé N; về con chung giao cho ông Tăng B Năm quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tăng Thạch Nhật D, sinh ngày 24/9/2012 đến khi thành niên, bà không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Tăng Bé N:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông N, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thạch Thị M.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Tăng Thạch Nhật D, sinh ngày 24/9/2012 ông Tăng Bé N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; bà Thạch Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông N chưa có yêu cầu. Sau khi ly hôn bà Thạch Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung: Bà Thạch Thị M xác định trong thời gian chung sống bà và ông Tăng B Năm không có tài sản chung, bà không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Thạch Thị M xác định trong thời gian chung sống bà và ông Tăng B Năm không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Tăng B Năm từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông N, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn ông Tăng Bé N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị M xác định bà và ông Tăng B Năm tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh, đăng ký ngày 10/10/2011. Hôn nhân của bà M và ông N tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông N là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông N với lý do sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã ly thân được một thời gian dài từ cuối năm 2014 cho đến nay. Từ khi bà M chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Tăng Bé N, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông N biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn với ông N.

[3]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Thạch Thị M xác định trong thời gian chung sống bà và ông N có 01 (một) người con chung là Tăng Thạch Nhật D, sinh ngày 24/9/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà M xác định từ khi bà M và ông N sống ly thân thì ông N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, hiện nay cháu vẫn đang chung sống với ông N nên bà giao cháu cho ông N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà M và ông N đã ly thân với nhau từ cuối năm 2014 đến nay, trong khoảng thời gian này cháu D chung sống với ông N, do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu; đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án

tiến hành ghi nhận ý kiến cháu D thì nguyện vọng của cháu muốn sống chung với ông N. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án ông Tăng B Năm chưa có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Thạch Thị M mà không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị M xác định bà và ông Tăng B Năm không có tài sản chung, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị M xác định bà và ông Tăng B Năm không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Bà Thạch Thị M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Tăng Bé N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị M được ly hôn với ông Tăng Bé N.
2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Tăng Thạch Nhật D, sinh ngày 24/9/2012 cho ông Tăng Bé N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; bà Thạch Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn bà Thạch Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số

0007044 ngày 11/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thành phố Cần Thơ); như vậy, bà M đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Tăng Bé N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Hiệp, tỉnh Vĩnh Long;
- T.H.A DS Tp Cần Thơ;
- TAND Tp Cần Thơ (PGĐ, KT, TT&THA);
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo